PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.
(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION
No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC
Tel: 028 38817289
www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android****. Đây là công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 09/2021
(02/03/2021 – 08/03/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần này chỉ số BDI tăng nhẹ lên 1.829 điểm và giao dịch tập trung ở phân khúc supramax (5 vạn tấn) và handy. Phân khúc handy có ít giao dịch do hiện không có nhiều tàu đang chào bán trên thị trường, nhất là những tàu đóng tại Nhật. Tuần này, chủ tàu Hy Lạp chốt tàu Emerald Bay (32.311 dwt đóng 2008 Nhật, DD 8/2021 SS 4/2023) với giá khoảng 8,5 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Hy Lạp này cũng chốt luôn cặp tàu đóng 2007 Nhật là Ha Long Bay (32.311 dwt, DD/SS 9/2022) và Teal Bay (32.327 dwt, DD/SS 11/2022) với tổng giá trị khoảng 16 triệu đô la Mỹ mà người Mua chấp nhận nhận tàu kèm hợp đồng thuê tàu còn lại đến tháng 10/2021, được biết chất lượng bảo quản tàu này ở mức trung bình. Mức giá của 3 tàu trên tương đối mềm trong thời điểm hiện nay, do thời gian giao tàu muộn và người Mua chấp nhận hợp đồng thuê với mức giá thuê hơi thấp hơn một nửa (chỉ khoảng 9.800 đô la Mỹ/ngày) so với thị trường thuê hiện tại. Tuần này cũng ghi nhận tàu handysize đóng 2011 Trung Quốc Vega Mars (31.728 dwt, đóng 2011) được chủ tàu Đức bán với giá chỉ 6,4 triệu đô la Mỹ, đã bao gồm hệ thống nước dằn ballast Alfa Laval. Nguyên nhân là do tàu sắp đến hạn lên đà đặc biệt (DD/SS 5/2021), có khuyến cáo đăng kiểm liên quan máy đèn số 1 và máy chính tàu này sản xuất tại Trung Quốc. Hiện những tàu đóng Trung Quốc đóng 2010 tương tự như thế này mà đã qua đà và lắp hệ thống xử lý nước dằn, giá trên 8 triệu đô la Mỹ.

Hiện nay, do thị trường tàu handy/supra nhu cầu thuê và mua tăng đột biến, trong ba tuần qua, tàu như nhau thì tàu sau bán giá cao hơn tàu trước hoặc giá bán điều chỉnh sau khi người Bán đã đưa ra mức giá ban đầu. Như tàu Mykali (56.132 dwt, đóng 2011 Nhật) lúc đầu người Bán đưa giá 13 triệu đô la Mỹ nhưng sau điều chỉnh lên 14 triệu đô la Mỹ và người Mua đã trả được 13,5 triệu đô la Mỹ. Vì vậy, hai tàu tương tự bán hai tuần khác nhau có giá khác nhau.

Giá mua bán thị trường tàu handy/supra đang quá tốt hiện nay đã kích thích một số chủ tàu bán tàu ra, tuy vậy, cũng vì lý do này một số chủ tàu lại quyết định giữ tàu lại thêm một thời gian ngắn nữa để khai thác được giá thuê rất cao hiện nay.

Ở phân khúc tàu bách hóa trẻ, các chủ tàu cũng đang điều chỉnh giá khoảng 10% so với cách đây khoảng hai tháng.

Ở mảng tàu dầu, tuần qua thị trường sôi động nhất ở hai phân khúc Aframax và MR. Nhiều báo cáo ghi nhận cặp tàu Aframax đóng 2008 Nhật Koro Sea (105.905 dwt) & Nectar Sea (105.370 dwt) bán với giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ mỗi tàu song trên thực tế chủ tàu chưa bán vì tin rằng thị trường sẽ được giá hơn trong thời gian tới. Ở phân khúc MR, thương vụ đáng chú ý của tuần phải kể đến Torm của Đan Mạch mua 8 tàu (45.966~46.184 dwt) đóng Croatia từ Team Tankers và nâng đội tàu thuộc công ty lên tổng số 83 tàu. Đội tàu mới gồm Team Amorina, Team Allegro (hai tàu trẻ nhất, đóng năm 2012), Team Corrido, Team Leader, Team Cavatina, Team Voyager, Team Discoverer và Team Adventurer (tàu già nhất, đóng năm 2007). Torm

thanh toán bằng tiền (82,5 triệu đô la Mỹ) lẫn cổ phiếu (5,97 triệu cổ phiếu của công ty Torm), ước tính tổng giá trị thị trường 8 tàu lên đến hơn 145 triệu đô la Mỹ. Bên cạnh đó, tuần qua ghi nhận Norden đã bán thành công tàu Nord Bell (38.431 dwt, đóng 2007 Trung Quốc, DD/SS 04/2022) với giá khoảng 8,3 triệu đô la Mỹ. Đầu năm 2021, tàu tương tự của chủ tàu Đan Mạch khác (Nordic) là Nordic Hanne (38.396 dwt, đóng 2007 Trung Quốc, DD/SS 09/2022) được bán với giá khoảng 7,8 triệu đô la Mỹ.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
Winning Angel	2012	China	58,799	14.25	Greek, Common Progress	BWTS fitted
Winning Bright	2012	China	58,756	14.25	AM Nomikos	BWTS fitted , DD/SS passed
Mykali	2011	Japan	56,132	13.80	Chinese	DD/SS due SH 2021
Luminous Nova	2013	Japan	56,103	15.00	Indian, Great Eastern	DD due 04/2021
Fortune Bird	2010	Japan	55,640	12.70	Far Eastern	BWTS fitted, DD/SS passed
Avra	2004	China	53,806	7.27	Jinhui	DD 12/2021, SS 01/2024
Papayiannis	2001	Japan	51,029	5.00	Chinese	Old sale, DD/SS due
Audacious	2004	Japan	46,683	6.40	Turkish	
Asahi Maru	2011	Japan	38,215	11.50	UAE, Transworld	Old sale, DD/SS 06/2021
Teal Bay	2007	Japan	32,327	8.00	Greek	DD/SS 11/2022, incl T/C, fair condition
Ha Long Bay	2007	Japan	32,311	8.00	Greek	DD/SS 09/2022, incl T/C till 10/2021 at 9,800 usd/d only, fair condition
Emerald Bay	2008	Japan	32,311	8.50	Greek	DD 08/2021, SS 04/2023
Vega Mars	2011	China	31,728	6.40	Chinese	Log-fitted, BWTS incl but not fitted, China-blt M/E, DD/SS due 05/2021, German owners
Sun Mermaid	2010	Japan	10,463	Undisclosed	Chinese	Tween deck, Cr 2x30t (combinable), DD 02/2023, SS 02/2025
			TANKERS			
CS Shandong Venture	2021	China	308,000	85.00	ADNOC	Resale, dely 04/2021
Bunga Katsuri Empat	2007	Japan	300,325	34.00	Undisclosed	
Silia T	2002	Korea	164,286	15.50	Russian	
Star Osprey	2003	Korea	114,809	Undisclosed	Vietnamese	DD 12/2021
Star Swift	2003	Korea	114,809	Undisclosed		DD 09/2021
Gladiolus	1998	Japan	107,261	8.65	Undisclosed	
Eagle Tampa	2003	Japan	107,123	Undisclosed	Vietnamese	Old sale, Eagle Tampa (DD 10/2021, SS 08/2021), Eagle Toledo (DD due 04/2021, SS 03/2023)
Eagle Toledo	2003	Japan	107,092			
Cerulean Phoenix	2009	Japan	55,691	10.60	Atlantica Shipping	

MR Pat Brown	2009	Korea	50,096	14.25	Malaysian	BWTS fitted
Team Amorina	2012	Croatia	46,184	Undisclosed	Danish, Torm	Cash & share deal (US$ 82.5m cash and 5.97m shares) Team Corrido (DD/SS 06/2021), Team Discoverer (DD 07/2021), Team Voyager (DD due 04/2021), Team Adventurer (DD due 10/2021)
Team Allegro	2012	Croatia	46,184			
Team Corrido	2011	Croatia	46,156			
Team Leader	2010	Croatia	46,070			
Team Cavatina	2009	Croatia	46,067			
Team Voyager	2008	Croatia	46,017			
Team Discoverer	2008	Croatia	45,979			
Team Adventurer	2007	Croatia	45,966			
Nord Bell	2007	China	38,431	8.30	Undisclosed	DD/SS 04/2022, epoxy coated, Danish owner (Norden)
			CON TAINER			
Mediterranean Bridge	2011	Korea	102,518	50.00	RCL (Regional Container Lines)	8586 teu
Crete I	2009	Korea	85,622	46.00	UAE-based, Simatech	6966 teu, DD/SS 08/2022
NYK Atlas	2004	Japan	81,171	Undisclosed	Greek, Costmare	6492 teu, M/E Sulzer, DD/SS 02/2022
OOCL Antwerp	2006	Japan	66,940	33.50	RCL (Regional Container Lines)	5888 teu, DD/SS due 05/2021
Hobby Hunter	2009	Korea	51,671	23.50	Hapag-Lloyd	4298 teu, M/E Wartsila
Polo	2002	Poland	22,967	6.00	MSC	1728 teu, fully cellular/Cr 3x40t, M/E Sulzer, SS 11/2022
Bright Laem Chabang	2007	Japan	17,852	7.00	New Harvest Shipping	1032 teu, fully cellular/gearless, DD/SS 10/2022

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 05/03	Ngày 29/01	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	50.00	50.00	0.0	34.5	46.5	53.3
180k dwt	5 tuổi	30.00	29.50	1.7	23.0	30.0	37.3
170k dwt	10 tuổi	21.50	21.00	2.4	12.0	20.8	26.0
150k dwt	15 tuổi	16.00	15.50	3.2	6.5	12.8	16.5
PANAMAX							
82k dwt	Resale	30.50	30.50	0.0	22.5	29.0	32.0
82k dwt	5 tuổi	25.00	24.00	4.2	11.5	20.9	25.0
76k dwt	10 tuổi	17.50	16.50	6.1	7.3	12.9	17.0
74k dwt	15 tuổi	11.00	9.50	15.8	3.5	8.3	11.5
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	28.50	28.50	0.0	19.0	26.3	29.0
58k dwt	5 tuổi	18.75	18.00	4.2	11.0	16.3	18.5
56k dwt	10 tuổi	13.50	12.00	12.5	6.0	11.7	14.5
52k dwt	15 tuổi	8.25	7.75	6.5	3.5	7.6	10.5
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	22.50	21.50	4.7	17.0	21.6	24.5
37k dwt	5 tuổi	17.00	15.25	11.5	7.8	14.2	17.5
32k dwt	10 tuổi	10.50	9.00	16.7	6.0	9.1	11.8
28k dwt	15 tuổi	6.25	5.75	8.7	3.5	5.5	7.3

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)					Trong 5 năm qua		
		Ngày 05/03	Ngày 29/01	±%	Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	91.00	89.00	2.2	82.0	90.9	106.0
310k dwt	5 tuổi	67.00	65.50	2.3	60.0	67.9	83.0
250k dwt	10 tuổi	46.50	46.50	0.0	38.0	45.6	58.0
250k dwt	15 tuổi	33.00	33.00	0.0	21.5	29.6	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	59.00	59.00	0.0	54.0	62.0	72.0
150k dwt	5 tuổi	44.00	45.50	-1.1	40.0	47.0	62.0
150k dwt	10 tuổi	30.00	30.00	0.0	25.0	32.1	44.5
150k dwt	15 tuổi	17.00	18.00	-5.6	16.0	19.5	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	46.00	46.00	0.0	43.5	48.9	56.0
110k dwt	5 tuổi	33.50	33.50	0.0	29.5	35.0	47.5
105k dwt	10 tuổi	21.50	21.50	0.0	18.0	23.2	32.5
105k dwt	15 tuổi	14.00	14.00	0.0	11.0	14.1	21.0
MR							
52k dwt	Resale	37.00	37.00	0.0	33.0	36.4	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.00	28.00	0.0	23.0	26.8	31.0
45k dwt	10 tuổi	19.00	19.00	0.0	14.5	17.7	21.0
45k dwt	15 tuổi	12.50	12.50	0.0	9.0	10.8	13.0

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Container	12,000 teu	Undisclosed	4	Yangzijiang	Seaspan, HK	2023	Conventional propulsion
Container	15,000 teu	Undisclosed	4	Yangzijiang	Seaspan, HK	2023	4 options, conventional propulsion
LNG	174,000 cbm	Undisclosed	1	Samsung	Maran Gas	SH 2023	

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 05/03	Ngày 29/01	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	50.0	47.5	5.3	41.8	47.3	53.0
K.sarmax (82.000 dwt)	27.3	27.0	2.8	24.3	28.8	34.0
P.max (77.000 dwt)	26.3	26.0	1.0	23.8	27.9	33.0
Ultramax (64.000 dwt)	25.3	25.0	1.0	22.3	26.9	32.0
Handysize (37.000 dwt)	24.0	23.0	4.3	19.5	23.1	26.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	82.9	88.0
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.0	49.1	56.0
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	26.0	27.2	29.5
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.0	25.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 05/03	Ngày 29/01	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	89.5	87.0	2.9	80.0	88.2	93.5
S.max (170.000 dwt)	59.0	57.5	2.6	53.0	58.4	63.0
A.max (115.000 dwt)	48.0	47.5	1.1	43.0	48.0	52.0
LR1 (75.000 dwt)	45.5	45.0	1.1	42.0	45.4	48.5
MR (56.000 dwt)	34.5	34.5	0.0	32.5	34.9	36.5
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	188.1	199.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	70.9	77.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	62.7	67.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	40.6	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tuần qua, cước phân khúc **Ultramax** và **Supramax** tiếp nối chuỗi tuần lễ tăng trưởng liên tục và chốt ở mức 21.089 đô la Mỹ. Ở Đại Tây Dương, tàu *New London Eagle* (63.140 dwt, đóng 2015) được chốt giao ở Santos chở đường đi Prai, Malaysia ở mức 20.500 đô la Mỹ cộng thêm đến 1.050.000 đô la Mỹ phí ballast. Tàu *Desert Victory* (57.434 dwt, đóng 2011) được chốt chạy từ Vịnh Hoa Kỳ đi Tây Ban Nha với cước khá cao 36.000 đô la Mỹ. Tại Ấn Độ Dương, tàu *Rigi Venture* (63.000 dwt, đóng 2014) được chốt chuyến từ Chittagong đi Trung Quốc qua bờ Tây Ấn Độ với giá 34.000 đô la Mỹ. Ngoài ra, tàu *Lucky Source* (53.411 dwt, đóng 2006) được chốt chuyến giao ở Porbander đi Bangladesh với giá 28.000 đô la Mỹ. Trong khi đó ở Thái Bình Dương, cước thuê tại đây tăng chậm vì ngày lễ tuần trước ở Hàn Quốc (1/3 là ngày Độc lập). Tàu *Iia Run* (56.774 dwt, đóng 2010) được chốt chuyến chạy từ Qinzhou đi Chittagong với giá 19.250 đô la Mỹ và tàu *Yan Dun Jiao I* (50.077 dwt, đóng 2001) được chốt chở xi măng rời (không đóng bao) chạy chuyến từ Beihai đi Philippines với giá 23.000 đô la Mỹ.

Trong khi đó, phân khúc **Handy** tuần qua vẫn tăng thêm 1.103 đô la Mỹ và chốt ở mức 20.357 đô la Mỹ bất kể thị trường có dấu hiệu chững lại. Thị trường ở Đại Tây Dương đã hạ nhiệt dù cước vẫn còn khá cao. Tàu *Weco Laura* (38.575 dwt, đóng 2020) được chốt giao tại Antwerp chở phân bón và trả ở bờ Tây Nam Mỹ với cước xấp xỉ 21.000 đô la Mỹ. Có tin đồn tàu *Izumo Hermes* (37.301 dwt, đóng 2020) được chốt giao ở phía Tây Địa Trung Hải qua Biển Đen đi Trung Quốc với giá 35.000 đô la Mỹ. Trong khi đó một tàu 34k dwt được chốt chạy chuyến Biển Đen đi Nam Mỹ với giá trên dưới 19.000 đô la Mỹ. Nhưng hơn hết, cước thuê ở khu vực Bờ Tây Nam Mỹ mới cao đáng kể dù các chuyên gia sớm đưa ra đánh giá thị trường sẽ nhanh chóng hạ nhiệt. Có tin tàu *SE Nicky* (37.717 dwt, đóng 2018) chạy chuyến từ Vila do Conde đi Na Uy với giá 29.000 đô la Mỹ. Ngoài ra có báo cáo tàu *Eastern Hawk* (37.520 dwt, đóng 2020) giao tại Biển Đỏ đi Đông Nam Á với giá 29.000 đô la Mỹ. Ngoài khơi Thái Bình Dương, có tin tàu khoảng 38k dwt được chốt giao ở Nhật để chở thép về Việt Nam với giá 20.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 09/2021 vừa qua:

RATES/PANAMA (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 09	TUẦN 08	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 09)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 09)
TRANSATLANTIC RV	19,040	20,090	16,608	25,050
TCT CONT/F.EAST	27,159	27,714	23,777	31,636
TCT F.EAST/CONT	5,971	5,912	4,471	6,091
TCT F.EAST RV	21,308	19,947	12,476	21,308
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	26,581	27,133	16,333	27,133
PACIFIC RV	18,386	17,321	9,408	18,386
TCT CONT/F.EAST	34,039	34,032	18,711	34,039

GIÁ THUÊ T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 08/03/2021

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	21,268	▲	179
SMALL HANDY	18,831	▲	440

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị kế trước (05/03/2021))

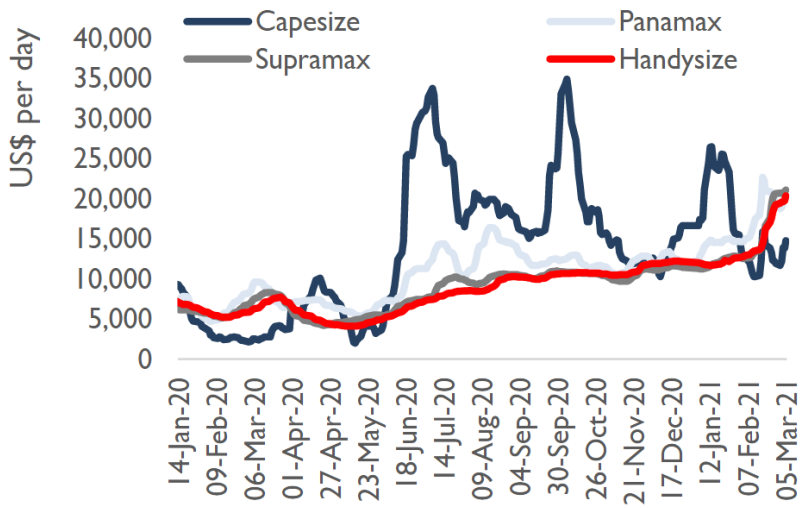

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

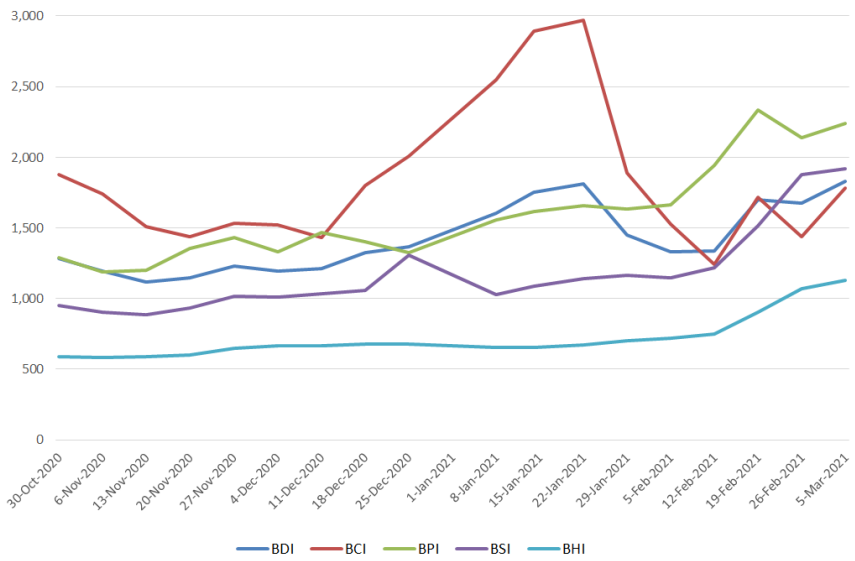

3.2. Thị trường thuê tàu dầu

Ở mảng thuê tàu dầu, Vitol chốt tàu *Hunter Frigg* (299.995 dwt, đóng 2020) khai thác trong vòng 12-14 tháng với giá 28.250 đô la Mỹ và một tàu MR *Atlantic Pride* (50.614 dwt, đóng 2018) khai thác trong vòng 1/1 năm với giá 14.250 đô la Mỹ. Trafigura chốt tàu *Bella Ciao* (156.586 dwt, đóng 2020) khai thác trong vòng 1 năm với giá 21.500 đô la Mỹ và Total Shipping chốt tàu *BW Larissa* (109.990 dwt, đóng 2019) khai thác trong vòng 34 tháng với giá 19.000 đô la Mỹ. Cuối cùng là BP chốt tàu *Nautical Deborah* (75.343 dwt, đóng 2013) khai thác ngắn hạn trong vòng 6 tháng với giá 15.750 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 09			Giá thuê tàu định hạn tuần 08		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	26,000	27,500	33,500	26,000	27,500	33,500
SUEZMAX	16,500	22,000	24,000	16,750	22,000	24,000
AFRAMAX	15,500	19,500	21,750	15,750	19,500	22,000
LR-2	16,000	21,000	22,250	16,250	22,000	22,500
LR-1	13,250	15,750	16,750	13,250	16,000	17,000
MR	12,750	13,500	15,250	13,000	13,750	15,500
HANDY	11,000	13,250	14,000	11,250	13,250	14,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

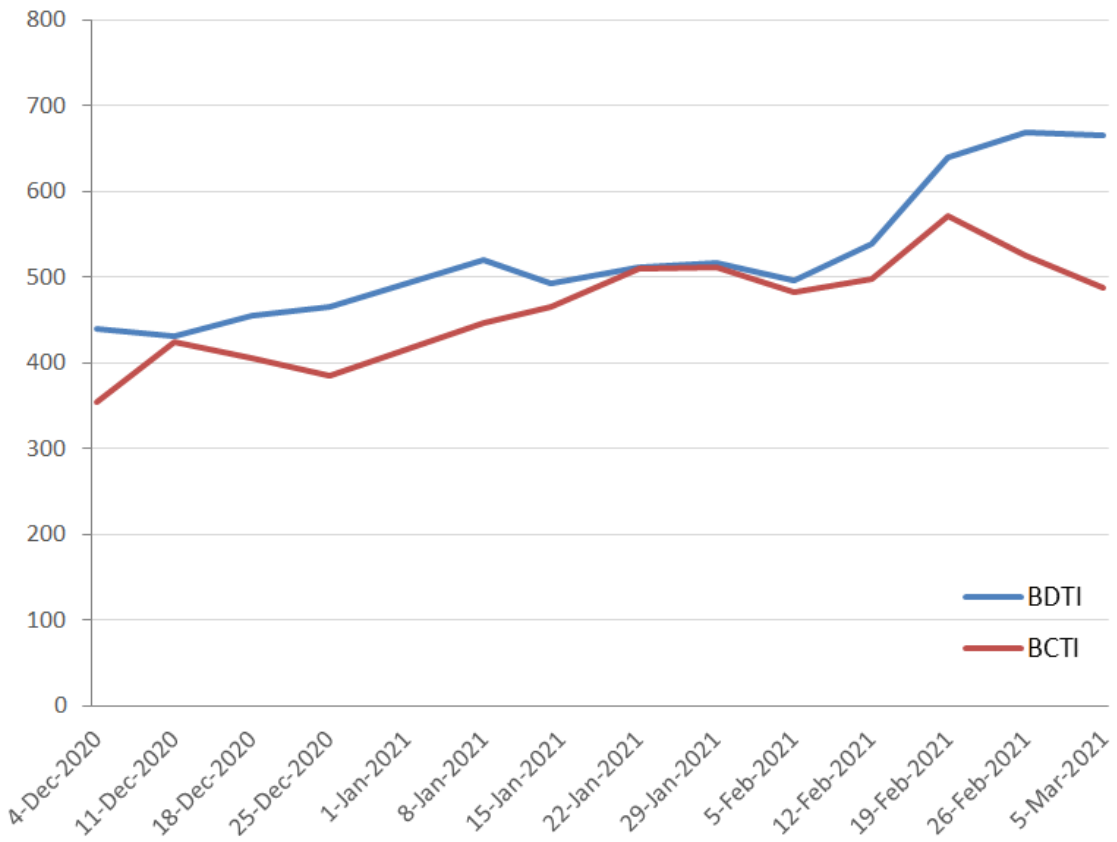

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu		
		US$	▼/▲		US$	▼/▲	
1	Bangladesh	440	▲	10	450	▲	10
2	Pakistan	450	▲	25	460	▲	25
3	India	430	▲	10	440	▲	10
4	Turkey	240			245		

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 09/2021

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Perisai Kamelia	Tanker	1980	34,000	Undisclosed	-	127,540	As is Johore, FPSO
MR Nautilus	Tanker	1998	10,650	Pakistan	465.00	43,558	
Fortune Glory XLI	Tanker	1997	10,222	Bangladesh	481.00	33,540	
Sino Carrier	Bulker	1992	38,506	Undisclosed	479.00	266,307	Subcont options
Sino Merchant	Bulker	1997	37,479	Bangladesh	473.00	322,457	
The Merciful	Bulker	1997	9,796	Pakistan	478.00	73,999	
Grand Midas	Container	1992	2,070	Bangladesh	460.00	5,965	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.